bīng zhuī

冰锥

noun · icicle

Example Sentences

wū yán xià guà zhe bīng zhuī
屋檐下挂着冰锥。
Icicles are hanging under the eaves.

bīng zhuī zài yáng guāng xià shǎn shǎn fā guāng
冰锥在阳光下闪闪发光。
The icicles sparkle in the sunlight.

xiǎo xīn diào luò de bīng zhuī yǐ miǎn shòu shāng
小心掉落的冰锥，以免受伤。
Be careful of falling icicles to avoid injury.

Trace each character, then write the word on your own.